

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨ THƯ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số 21/2020/HNGĐ-ST**  
**Ngày 02/7/2020**  
**V/v tranh chấp Hôn nhân và**  
**gia đình.**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hà Toàn Thắng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Phạm Đức Hiền và ông Nguyễn Thanh Nghĩa
- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Liên.
- ***Đại diện VKSND huyện Vũ Thư:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 26/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1995 ( có mặt ).

Địa chỉ: xóm S, thôn 2, phường T, thị xã Đ, tỉnh Q.

- Bị đơn: Anh **Lương Đình C**, sinh năm 1992 ( có mặt ).

Địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện V, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn ( chị Nguyễn Thị P ) trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị P kết hôn với anh C do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình chị P đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh C không tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc gái gú nên vợ chồng bất đồng quan điểm. Khi chị P sinh cháu thứ hai được một tháng, anh C đã bỏ nhà đi không về nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh C nên xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: chị P và anh C có 02 con chung là Lương Đức C1, sinh ngày 05/10/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2016, ly hôn chị P xin nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị P là cấp dưỡng tại trường mầm non, thu nhập khoảng 6.500.000 đồng/tháng (chị P đã có đơn

xác nhận thu nhập của nhà trường nơi chị làm việc). Ngoài ra, chị còn có nhà ở ổn định do bố mẹ chị xây cho và được sự giúp đỡ của gia đình về kinh tế và trong việc chăm sóc, đưa đón con đi học.

Về tài sản chung: chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh C trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận nội dung như chị P đã trình bày và anh đồng ý ly hôn. Về con chung vợ chồng có 02 con chung là Lương Đức C1, sinh ngày 05/10/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2016, ly hôn anh C xin nuôi con Lương Đức C1 và để chị P nuôi con Lương Minh Đ. Anh C hiện nay đang làm công nhân tại công ty dệt nhuộm xuất khẩu T L, thành phố T, thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/tháng (anh C có đơn xác nhận thu nhập của công ty nơi làm việc). Tuy nhiên, anh làm việc theo ca kíp, có ngày là ca sáng, có ngày làm ca đêm. Hiện nay anh đang ở cùng với mẹ đẻ tại xã Đ sẽ giúp đỡ anh trong việc chăm sóc con khi anh đi làm. Về tài sản chung: anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại đơn trình bày và tại phiên tòa ông Nguyễn Đức C2, sinh năm 1965 (bố đẻ chị P) trình bày: Về thời gian kết hôn, chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như chị P và anh của đã trình bày. Gia đình ông có xây cho anh chị nhà riêng để chung sống sau khi kết hôn. Hiện nay, chị P và hai con vẫn đang sinh sống tại ngôi nhà trên. Bản thân ông và gia đình không muốn anh chị ly hôn, nhưng do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được, nên nay chị xin ly hôn anh C ông đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung, anh chị có hai con như đã trình bày. Ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị P nuôi vì hai cháu sống cùng gia đình ông từ nhỏ, bà ngoại là người thường xuyên giúp đỡ việc chăm sóc, đưa đón các cháu. Mặt khác, gia đình ông còn hỗ trợ kinh tế cho chị P nuôi con. Về tài sản chung của anh chị ông không có ý kiến gì,

\* Tại phiên tòa bà Phạm Thị M, sinh năm 1946 (mẹ đẻ anh C) trình bày: Bà không làm công việc gì chỉ ở nhà. Anh C về sống cùng bà từ năm 2018. Bà không rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh C và chị P như thế nào. Hai con chung của anh chị sống cùng chị P từ nhỏ. Nay nếu anh chị ly hôn nguyện vọng của gia đình tôi mong muốn được nuôi 01 con chung của hai anh chị. Nếu Tòa án giao con chung cho anh C nuôi dưỡng bà sẽ giúp anh C trong việc chăm sóc con chung.

\* Biên bản xác minh tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P kết hôn với anh C do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Chị P có đơn xin ly hôn anh C và anh chị đã thống nhất thuận tình ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị P anh C có 02 con chung là Lương Đức C1, sinh ngày 05/10/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2016. Hiện đang ở với chị P. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết.

Về tài sản chung: Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của hai anh chị và theo quy định pháp luật.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lương Đình C. Về con chung: Giao cả hai con chung là Lương Đức C1, sinh ngày 05/10/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2016 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nên không giải quyết. Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị P có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh C cư trú tại thôn Th, xã Đ, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị P kết hôn với anh C do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh C không tu chí làm ăn lại chơi bời cờ bạc và quan hệ ngoại tình nên vợ chồng bất đồng quan điểm, hai bên gia đình khuyên giải nên anh chị lại tiếp tục chung sống, nhưng anh C vẫn chứng nào tật ấy không có sự thay đổi. Sau khi chị P sinh cháu thứ hai được khoảng 01 tháng thì anh C bỏ nhà đi. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị P được ly hôn anh C là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị P anh C có 02 con chung là Lương Đức C1, sinh ngày 05/10/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2016, hiện đang ở với chị P, Hiện tại chị P

đang ở cùng bố mẹ đẻ chị có điều kiện về chỗ ở, thời gian và kinh tế để giúp chị P nuôi cả hai con, chị P đi làm có thu nhập đủ để nuôi con, ngoài ra hai con còn rất nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Mặt khác hai con đã ở cùng chị từ khi còn nhỏ và đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Chị P còn được gia đình hỗ trợ về kinh tế và trong việc chăm sóc, đưa đón con đi học. Do đó nếu giao cháu C1 cho anh C nuôi dưỡng theo nguyện vọng của anh sẽ làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của cháu vì cháu còn rất nhỏ. Anh C hiện làm công nhân, thời gian làm việc theo ca kíp nên không có điều kiện về mặt thời gian. Mẹ đẻ anh C hiện đã ngoài 70 tuổi, sức khỏe không đảm bảo để giúp anh chăm sóc cháu. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự ổn định cho các con chung, nên giao cả hai con chung là Lương Đức C1, và Lương Minh Đ cho chị P nuôi là phù hợp quy định của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Lương Đình C.

2/ Về con chung: Giao cả hai con cho chung là Lương Đức C1, sinh ngày 05/10/2014 và Lương Minh Đ, sinh ngày 30/11/2016 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lương Đình C có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị P và anh Lương Đình C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ( Chuyển số tiền 300.000 đồng chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003737 ngày 12/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, thành án phí ).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện V;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện V;
- UBND xã Đ, huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

( Đã ký )

**Hà Toàn Thắng**